

Bản án số: 192/2017/HC-PT
Ngày 17 tháng 8 năm 2017
V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong trường hợp giải quyết tranh chấp
đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 126/2015/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2015 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 16/2015/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2016/QĐPT-HC ngày 10 tháng 6 năm 2016 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Đặng Văn M, sinh năm 1951 (Có mặt);

Địa chỉ: số 36/4, tổ 4, ấp 6, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 18, kênh AH, khóm 6, phường 6, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch UBND tỉnh BL (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 05 NTT, Phường 1, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/. NLQ1, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt);

2/. NLQ2, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt);

3/. Bà NLQ3(vắng mặt);

Địa chỉ: ấp PT, xã HH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

* **Người kháng cáo:** Người khởi kiện – Ông Đặng Văn M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Đặng Văn M trình bày:*

Vào năm 1991 ông M có cầm cố cho bà NLQ3 khoảng 12.000m² đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Bung Xúc, xã HH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu với điều kiện là khi nào ông M có lúa sẽ chuộc lại đất, nếu không có thì bà NLQ3 tiếp tục canh tác đến khi ông M có lúa để chuộc lại. Đối với phần đất do bà NLQ3 cầm cố thì ông M đã có tên trong sổ mục kê năm 1997. Khi cầm cố đất, ông M và bà NLQ3 không làm giấy tờ gì, cũng không có thiết lập hợp đồng chuyển nhượng phần đất trên cho bà NLQ3. Đến năm 2003, ông M xin chuộc lại đất trước đó đã cầm cố cho bà NLQ3 nhưng bà NLQ3 không đồng ý. Từ đó, ông M làm đơn yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Đến ngày 28/6/2011, ông M nhận được Quyết định số 360/QĐ-UBND của NLQ1 với nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn M với lý do cho rằng phần đất ông M hiện đang tranh chấp với bà NLQ3 với diện tích đất 10.400m² bà NLQ3 đã sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1991 đến nay, bà NLQ3 được lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất với phần đất này theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Ông tiếp tục khiếu nại và đến ngày 02/12/2013 Chủ tịch UBND tỉnh BL ban hành Quyết định số 2525/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông M và giữ nguyên Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của NLQ1. Nội dung của Quyết định số 2525/QĐ-UBND và Quyết định số 360/QĐ-UBND đều không chấp nhận yêu cầu của ông M vì cho rằng việc ông M xác nhận ông M chỉ cầm cố đất cho bà NLQ3 là không đúng, nhưng trong Quyết định số 77/UBND ngày 25/5/2015 của Chủ tịch NLQ2 và Công văn số 12/UBND ngày 14/5/2015 của NLQ2 đã xác định việc ông M có cầm cố đất cho bà NLQ3 chứ không phải là chuyển nhượng đất cho bà NLQ3. Trước đó, vào khoảng năm 1998 – 1999, ông M có yêu cầu bà NLQ3 cho chuộc lại đất nhưng bà NLQ3 không đồng ý chứ không phải ông M không yêu cầu được chuộc lại đất. Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết hủy toàn bộ Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh BL.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh BL có ông Lâm Phước Đại P đại diện trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp trước năm 1975 là của gia đình ông Đặng Văn M với diện tích 12.064m², thuộc thửa số 764, tờ bản đồ số 02 thành lập năm 1997, tọa lạc tại ấp Bung Xúc, xã HH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, nhưng đến năm 1991 thì ông M đã giao toàn bộ phần đất này cho bà NLQ3 quản lý, sử dụng và có nhận của bà NLQ3 tổng cộng 200 gia lúa. Bên cạnh đó, ông M còn giao luôn phần đất với diện tích 1.644m² là đất lung đìa cho bà NLQ3 quản lý,

việc ông M giao cho bà NLQ3 08 công đất với giá 200 tạ lúa tuy không có giấy tờ thể hiện cầm cố hay chuyển nhượng nhưng với số lúa trên tương ứng với giá trị chuyển nhượng tại thời điểm đó. Mặt khác, theo thông lệ trong nội bộ nhân dân về việc cầm cố ruộng đất thì trong thời hạn 03 năm nếu người cầm cố không chuộc lại phần đất đã cầm cố thì phần đất trên thuộc về người nhận cầm cố. Theo sổ mục kê năm 1997 thì ông Đặng Văn M có tên tại thửa số 764, tờ bản đồ số 02, diện tích 12.064m², ông M không có ở địa phương nhưng cán bộ địa chính không cập nhật, điều chỉnh đúng hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm hiện tại, nhưng trên thực tế bà NLQ3 đã sử dụng liên tục phần đất đang tranh chấp từ năm 1991 cho đến nay. Do đó, sau khi khiếu nại yêu cầu chuộc lại đất của ông M thì NLQ1 đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 360/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 không chấp nhận yêu cầu của ông M. Ông M không đồng ý và tiếp tục khiếu nại, đến ngày 02/12/2013 Chủ tịch UBND tỉnh BL ban hành Quyết định số 2525/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Đặng Văn M với bà NLQ3. Việc giải quyết khiếu nại phù hợp với quy định của pháp luật, nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết giữ nguyên Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL.

** Người có quyền lợi liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện VL có ông Huỳnh Bá T đại diện trình bày:*

Ngày 19/5/2010, ông Đặng Văn M gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện VL yêu cầu bà NLQ3 cho chuộc lại phần diện tích 10.400m² đất mà bà NLQ3 đang canh tác và diện tích 1.664m² bà NLQ3 thuê của xã HH tại thửa số 764, tờ bản đồ số 02. Sau khi tổ chức hòa giải giữa ông M và bà NLQ3, hai bên không thống nhất được nội dung giải quyết tranh chấp đất, nên đến ngày 28/6/2011 NLQ1 ban hành Quyết định số 360/QĐ-UBND với nội dung là bác đơn yêu cầu của ông Đặng Văn M. Sau khi nhận Quyết định ông M không đồng ý và tiếp tục khiếu nại, ngày 02/12/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL ban hành Quyết định số 2525/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận yêu cầu của ông M và giữ nguyên Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của NLQ1. Các quyết định nêu trên đúng quy định pháp luật và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 có ông Lâm Anh T1 đại diện trình bày:*

Phần đất hiện đang tranh chấp là do ông M đứng tên trong sổ mục kê với tổng diện tích đất là 12.064m², tại thửa số 764, tờ bản đồ số 02 thành lập năm 1997.

Vào năm 1991, ông Đặng Văn M chuyển nhượng diện tích 10.400m² đất trồng lúa và ông M đã giao luôn phần đất lung, địa có diện tích là 1.644m² cho bà NLQ3 quản lý, sử dụng. Sau đó, bà NLQ3 đã bồi đắp, cải tạo thành đất ruộng và sử dụng cho đến nay. Do ông M không có ở địa phương nên bà NLQ3 thống nhất giao lại phần đất 1.644m² cho NLQ2 quản lý và cho bà NLQ3 thuê lại từ năm 2003 đến năm 2011. Ngày 20/4/2011, Chủ tịch NLQ2 đã ra Thông báo số 113/TB-UBND về việc giao trả đất nông nghiệp với diện tích 1.644m²

cho ông Đặng Văn M. Hiện nay phần đất trên do bà NLQ3 sử dụng và NLQ2 không thu tiền thuê đất đối với bà NLQ3 nữa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ3 trình bày:*

Vào năm 1991 bà có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn M hơn 08 công đất. Sau đó, ông M gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đến Ủy ban nhân dân huyện VL. Ngày 28/6/2011, NLQ1 ban hành Quyết định số 360/QĐ-UBND với nội dung là bác đơn yêu cầu của ông Đặng Văn M. Đến ngày 02/12/2013 Chủ tịch UBND tỉnh BL ban hành Quyết định số 2525/QĐ-UBND. Bà đồng ý với Quyết định số 2525/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh BL.

Tại Bản án sơ thẩm số 16/2015/HC-ST ngày 09/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30, Điều 161; Điều 163 và Điều 164 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 2, Điều 3 và Điều 10 Luật Đất đai; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 NLQ1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2015, người khởi kiện ông Đặng Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án số 16/2015/HC-ST ngày 09/9/2015 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Về đối tượng khởi kiện: Căn cứ Điều 28 Luật tổ tụng hành chính và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính xác định Quyết định 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL là đối tượng khởi kiện.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 104 Luật tổ tụng hành chính cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện là phù hợp.

Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL thì thấy:

Thẩm quyền ban hành: Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 161 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về nội dung sự việc: Giữa bà NLQ3 và ông M thống nhất với nhau, là vào năm 1991 ông M giao cho bà NLQ3 diện tích khoảng 12.064m² đất tọa lạc tại ấp Bung Xúc, xã HH, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, bà NLQ3 giao cho ông 200 gia lúa. Việc giao dịch này phía ông M cho rằng cho bà NLQ3 cố đất, còn bà NLQ3 thì khẳng định nhận chuyển nhượng, vì là chỗ bà con nên ông M và bà NLQ3 không làm giấy tờ. Quá trình giải quyết tranh chấp xác định: Việc ông M giao 08 công đất cho bà NLQ3 và bà NLQ3 giao cho ông 200 gia lúa vào thời điểm năm 1991 là giá chuyển nhượng chứ không phải giá cầm cố. Mặt khác, theo sổ mục kê năm 1997 thì ông Đặng Văn M có tên tại thửa đất số 764 tờ bản đồ số 02 với diện tích 12.054,00m² nhưng lúc này ông Đặng Văn M không có ở địa phương và trên thực tế bà NLQ3 đã sử dụng liên tục phần đất này từ năm 1991 đến nay.

Xét thấy, nội dung Quyết định 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL là không chấp nhận khiếu nại của ông Đặng Văn M, công nhận và giữ nguyên quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 28.6.2011 của NLQ1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông M về việc hủy quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày của 02/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL.

Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện cũng không đưa ra được những chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn M.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Văn M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2015/HC-ST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 2, Điều 3 và Điều 10 Luật đất đai; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn M về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BL giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của NLQ1.

Ông Đặng Văn M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002285 ngày 23/9/2015 của cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Vp, (Án HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Văn Yên